

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/KDTM-PT

Ngày: 15-7-2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Ngọc Bình

Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Huyền – Thư ký, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng:** Ông Đỗ Văn Phương – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2024/TLPT-KDTM ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2024/KDTM-ST ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 220/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Ngân hàng N (A); địa chỉ số B, đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

+ Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T, chức vụ: Tổng giám đốc.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị Minh H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh huyện Đ, Lâm Đồng II (Văn bản ủy quyền ngày 27/12/2019).

+ Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng V, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh huyện Đ, Lâm Đồng II (Văn bản ủy quyền ngày 05/7/2024).

- *Bị đơn*: Ông Dương Ngô H1, sinh năm: 1960 (Chủ doanh nghiệp tư nhân M); địa chỉ liên hệ thôn H, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Thúy H2, sinh năm: 1984; cư trú tại số C, tổ G, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 11/7/2024).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Dương Ngô B, sinh năm: 1957; bà Ung Thị H3, sinh năm: 1954; cư trú tại ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Phạm Đình H4, sinh năm: 1964; cư trú tại khu phố H, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Bà Phạm Thị H5, sinh năm: 1961; cư trú tại tổ dân phố H, thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

4. Bà Phạm Thị L (Nguyễn Thị L1), sinh năm: 1961; cư trú tại thôn H, xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Ông Dương Ngô H1 – Bị đơn.

(Ông V, ông H1, bà H5, bà L1 có mặt tại phiên tòa; các đương sự còn lại vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31/5/2021 và đơn khởi kiện bổ sung của Ngân hàng N (A), bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa ông Nguyễn Trọng V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Giữa Ngân hàng N – Chi nhánh Đ và ông Dương Ngô H1 đã ký kết với nhau các hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 5411LAV201003071 ngày 23/9/2010 với số tiền vay là 3.200.000.000đ (Ba tỉ hai trăm triệu đồng), mục đích vay mua sắm thiết bị máy xay đá cũ, nhân công nhiên liệu khai thác đá, thời hạn cho vay đến ngày 24/9/2013. Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất điều chỉnh, lãi suất tại thời điểm vay vốn là 1.25%/ tháng, lãi suất quá hạn bằng 1.875%/ tháng đối với số tiền chậm trả. Hình thức bảo đảm khoản vay là thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

- Hợp đồng tín dụng số 5411LAV201101442 ngày 16/6/2011 với số tiền cho vay là 1.700.000.000đ (Một tỉ bảy trăm triệu đồng), mục đích cho vay là mua máy múc, mua búa thủy lực đập đá, mua dầu chạy máy, chi phí nhân công, chi phí sửa chữa máy xay đá..., thời hạn cho vay đến ngày 17/6/2014. Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất điều chỉnh, lãi suất tại thời điểm vay vốn là 20%/năm, lãi

suất quá hạn bằng **150%** lãi suất vay đã thỏa thuận. Hình thức bảo đảm khoản vay là thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất.

- Hợp đồng tín dụng số 5411LAV201101726 ngày 22/7/2011 với số tiền cho vay là 2.500.000.000đ (Hai tỉ năm trăm triệu đồng), mục đích cho vay là xây dựng trạm biến áp 250KVA, mua nghiền đá, mua búa đập đá, chi phí nhân công, chi phí khoán đá..., thời hạn cho vay đến ngày 23/7/2013. Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất điều chỉnh, lãi suất tại thời điểm vay vốn là **11%**, lãi suất quá hạn bằng **150%** lãi suất trong hạn. Hình thức bảo đảm khoản vay là thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất.

- Hợp đồng tín dụng số 5411LAV201102202 ngày 13/9/2011 với số tiền cho vay là 1.500.000.000đ (Một tỉ năm trăm triệu đồng), mục đích cho vay là mua búa đập đá, chi phí giải tỏa mặt bằng, mua dầu chạy máy, chi phí nhân công, trồng chuối..., thời hạn cho vay đến ngày 13/9/2013. Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất điều chỉnh, lãi suất tại thời điểm vay vốn là **11%**, lãi suất quá hạn bằng **150%** lãi suất trong hạn. Hình thức bảo đảm khoản vay là thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất.

- Hợp đồng tín dụng số 5411LAV201102958 ngày 23/11/2011 với số tiền cho vay là 1.000.000.000đ (Một tỉ đồng), mục đích cho vay là mua búa đập đá, mua dầu chạy máy, chi phí nhân công, trồng chăm sóc chuối..., thời hạn cho vay đến ngày 17/6/2014. Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất điều chỉnh, lãi suất tại thời điểm vay vốn là **19%/năm**, lãi suất quá hạn bằng **150%** lãi suất vay đã thỏa thuận. Hình thức bảo đảm khoản vay là thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất.

- Hợp đồng tín dụng số 5411LAV201200812 ngày 30/3/2012 với số tiền cho vay là 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng), mục đích cho vay là chi phí nhân công, nhiên liệu chạy máy, chi phí sửa chữa máy xay đá..., thời hạn cho vay đến ngày 31/3/2014. Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất điều chỉnh, lãi suất tại thời điểm vay vốn là **18%/năm**, lãi suất quá hạn bằng **150%** lãi suất trong hạn. Hình thức bảo đảm khoản vay là thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất.

- Hợp đồng tín dụng số 5411LAV201201621 ngày 15/6/2012 với số tiền cho vay là 765.149.071đ (Bảy trăm sáu mươi lăm triệu, một trăm bốn mươi chín nghìn không trăm bảy mươi mốt nghìn đồng), mục đích cho vay là xây dựng đường dây trung thế 400KVA, sửa chữa máy xay đá..., thời hạn cho vay đến ngày 15/6/2015. Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất điều chỉnh, lãi suất tại thời điểm vay vốn là **11%**, lãi suất quá hạn bằng **150%** lãi suất trong hạn. Hình thức bảo đảm khoản vay là thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất.

Nhằm đảm bảo cho 07 hợp đồng tín dụng trên thì hai bên đã ký kết các hợp đồng thế chấp như sau:

Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ 3 số TC 201201621 ngày 28/11/2012 thửa số 24 tờ bản đồ số 15, diện tích 21.077m² đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK451755 ngày 13/6/2012. Hợp đồng thế chấp đã được Phòng C, địa chỉ: số C, đường C tháng D, thị trấn, Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng công chứng và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng ngày 30/11/2012.

Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ ba TC201000785 ngày 18/3/2010, tài sản thế chấp là nhà ở cấp 4, diện tích 200m² và quyền sử dụng đất thuộc thửa số 59, tờ bản đồ số 1 đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận số Đ980704 cấp ngày 30/12/2003. Hợp đồng thế chấp đã được Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai chứng thực và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Đồng Nai ngày 18/3/2010.

Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TC20093763A ngày 28/10/2009, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa số 300 tờ bản đồ số 338C, đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận số H05531 cấp ngày 30/7/2008. Hợp đồng thế chấp đã được UBND thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng công chứng và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng ngày 29/10/2009.

Hợp đồng thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TC200904107 ngày 31/12/2009, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa số 3,6 tờ bản đồ số 14 đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận số AA190369 cấp ngày 20/10/2004. Hợp đồng thế chấp đã được UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng công chứng và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Đồng Nai ngày 31/12/2009.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TC201101726 ngày 22/7/2011, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa số 247, tờ bản đồ số 1 đã được UBND huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận số Q661319 cấp ngày 04/01/2001. Hợp đồng thế chấp đã được UBND xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai chứng thực và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Đồng Nai ngày 22/7/2011.

Ngoài ra đối với các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TC200904066 ngày 31/12/2009; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TC2010420B ngày 08/02/2010 ông H1 đã thanh toán 1 phần nợ nên đã được rút tài sản thế chấp.

Sau khi ký hợp đồng tín dụng, do ông Dương Ngô H1 vi phạm cam kết theo hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng nhiều lần làm việc trực tiếp và có văn bản yêu

cầu đối với ông Dương Ngô H1 để thực hiện nghĩa vụ trả nợ đồng thời Ngân hàng đã từng gửi đơn khởi kiện đối với ông Dương Ngô H1 tại Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh vào ngày 15/10/2018. Tuy nhiên, ông H1 đã trả cho Ngân hàng một khoản tiền, nên ngân hàng đã rút đơn khởi kiện đối với ông Dương Ngô Huy .

Sau đó, nhiều lần ngân hàng yêu cầu ông H1 thanh toán số tiền còn lại nhưng ông vẫn chưa thanh toán cho ngân hàng do đó ngày 23/7/2020 hai bên thỏa thuận và lập biên bản làm việc có chốt lại số tiền gốc vay tính đến ngày 23/7/2020 là 7.575.995.321đ, tiền lãi đến ngày 21/7/2020 là 13.238.536.478đ và lãi suất được giảm còn là: 5.237.048.290đ. Từ đó đến nay, ông H1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cả gốc và lãi cho ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ cam kết ngày 23/7/2020 gây khó khăn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước. Do vậy, Ngân hàng khởi kiện buộc Doanh nghiệp tư nhân M có trách nhiệm thanh toán số tiền 5.475.995.321đ tiền gốc vay và 15.082.200.541đ tiền lãi suất vay, tổng cộng là 20.558.195.862đ (*Hai mươi tỉ, năm trăm năm mươi tám triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, tám trăm sáu mươi hai đồng*).

- Buộc Doanh nghiệp tư nhân M phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng số 5411LAV20100371; 5411LAV201101442; 5411LAV201102202; 5411LAV201102958; 5411LAV201101726; 5411LAV201200812 và 5411LAV201201621, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/ quyết định cho đến ngày thực tế doanh nghiệp tư nhân M trả hết nợ gốc cho A.

- Nếu Doanh nghiệp tư nhân M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì A Chi nhánh huyện Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của doanh nghiệp tư nhân M theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số TC2010000785 ngày 18/3/2010, TC201101726 ngày 22/7/2011; 20093763A ngày 28/10/2009, TC200904107 ngày 31/12/2009, TC201201621 ngày 28/11/2012 để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

- Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả số nợ nói trên thì A Chi nhánh huyện Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của doanh nghiệp tư nhân M để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật

Theo đơn khởi kiện ban đầu ngày 31/5/2021 Ngân hàng đề nghị ông Dương Ngô H1 phải thanh toán số tiền gốc vay và lãi suất vay theo hợp đồng tín dụng là 20.558.195.862đ (*Hai mươi tỉ, năm trăm năm mươi tám triệu, một trăm chín mươi lăm nghìn, tám trăm sáu mươi hai đồng*).

Quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu

khởi kiện buộc ông Dương Ngô H1 phải trả số tiền gốc vay là 5.475.995.321đ, nợ lãi tính đến ngày 17/02/2023 là: 6.456.712.594đ, tổng cộng là 11.932.707.915đ và tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất của các hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ gốc.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Dương Ngô H1 phải trả số tiền gốc vay là 5.475.995.321đ, nợ lãi tính đến ngày xét xử 20/3/2020 là 6.772.053.043đ và tiếp tục tính lãi cho đến khi thanh toán xong, đồng thời đề nghị xử lý tài sản thế chấp.

Quá trình giải quyết vụ án và tại bản tự khai ông Dương Ngô H1 trình bày:
Ông Dương Ngô H1 thừa nhận có ký hợp đồng với ngân hàng N chi nhánh huyện Đ các hợp đồng tín dụng sau:

- + Hợp đồng tín dụng số 5411LAV201003071/HĐTD ký kết ngày 23/9/2010;
- + Hợp đồng tín dụng số 5411LAV201101442/HĐTD ký kết ngày 16/6/2011;
- + Hợp đồng tín dụng số 5411LAV201102958/HĐTD ký kết ngày 23/11/2011;
- + Hợp đồng tín dụng số 5411LAV201102202/HĐTD ký kết ngày 13/9/2011;
- + Hợp đồng tín dụng số 5411LAV201101726/HĐTD ký kết ngày 22/7/2011;
- + Hợp đồng tín dụng số 5411LAV201201621/HĐTD ký kết ngày 15/6/2012;
- + Hợp đồng tín dụng số 5411LAV201200812/HĐTD ký kết ngày 30/3/2012.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay trong các hợp đồng tín dụng trên được ký bởi các hợp đồng thế chấp sau:

- + Hợp đồng thế chấp số TC20093763A ký kết ngày 28/10/2010;
- + Hợp đồng thế chấp số TC200904107 ký kết ngày 31/12/2009;
- + Hợp đồng thế chấp số TC200904066 ký kết ngày 31/12/2009;
- + Hợp đồng thế chấp số TC2010420B ký kết ngày 08/02/2010;
- + Hợp đồng thế chấp số TC201000785 ký kết ngày 18/3/2010;
- + Hợp đồng thế chấp số TC201101726 ký kết ngày 22/7/2011;
- + Hợp đồng thế chấp số TC201201621 ký kết ngày 28/11/2012.

Tại biên bản làm việc ngày 23/7/2020 giữa ông H1 và ngân hàng đã thống nhất chốt lại tổng số tiền nợ gốc tính đến ngày 23/7/2020 là 7.575.995.321đ (Bảy tỉ năm trăm bảy mươi lăm triệu, chín trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm hai mươi một đồng), tổng nợ lãi đến ngày 21/7/2020 là 5.237.048.290đ (Năm tỉ hai trăm ba mươi bảy triệu không trăm bốn mươi tám nghìn hai trăm chín mươi đồng) và thỏa thuận tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng. Đến tháng 10/2021 ông H1 đã trả

được cho ngân hàng số tiền gốc là 2.000.000.000đ, như vậy đến nay ông chỉ còn nợ lại số tiền gốc là 5.575.995.321đồng và nợ lãi phát sinh. Nay ông chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc còn lại là 5.575.995.321 và nợ phát sinh như hai bên đã thỏa thuận trong biên bản làm việc ngày 23/7/2020.

Quá trình giải quyết vụ án, ông H1 trình bày tại bản tự khai bổ sung như sau: Đối với số tiền mà ngân hàng khởi kiện thì tôi được đề nghị hoàn trả thành 04 đợt cụ thể như sau:

Đợt 1: Tháng 8 năm 2024 trả 2 tỷ;

Đợt 2: Tháng 8 năm 2025 trả 3 tỷ;

Đợt 3: Tháng 8 năm 2026 trả 3 tỷ;

Đợt 4: Tháng 8 năm 2027 trả 2 tỷ.

Do làm ăn thất bại nên đề nghị ngân hàng H6 cho tôi không phải trả đối với hơn 1 tỷ đồng tiền lãi còn lại, tôi cam kết thực hiện đúng thời hạn trả nợ như trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Dương Ngô H1 vắng mặt không có yêu cầu gì khác.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Dương Ngô B, bà Ung Thị H3 tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án trình bày: Vợ chồng ông Dương Ngô B, bà Ung Thị H3 có cho ông Dương Ngô Huy m tài sản là quyền sử dụng đất đã được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại Ấp P, P, T, tỉnh Đồng Nai là đúng sự thật. Ông B, bà H3 yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.*

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị H5, ông Phạm Đình H4, bà Phạm Thị L không trình bày hay có yêu cầu độc lập gì đối với việc giải quyết vụ án.*

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2024/KDTM-ST ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với ông Dương Ngô H1 về việc “Tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại về tín dụng”.

Buộc ông Dương Ngô H1 có trách nhiệm thanh toán **tổng số tiền là 12.248.048.364đ** (Mười hai tỉ, hai trăm bốn mươi tám triệu, không trăm bốn mươi tám nghìn, ba trăm sáu mươi tư đồng) cho Ngân hàng N, trong đó tiền gốc là 5.475.995.321đ (Năm tỉ bốn trăm bảy mươi lăm triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm hai mươi một đồng) và tiền lãi suất tính đến ngày 20/3/2024 là **6.772.053.043** (Sáu tỉ, bảy trăm bảy mươi hai triệu, không trăm năm mươi ba nghìn, không trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 02/4/2024 bị đơn ông Dương Ngô H1 có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng tính lãi suất với mức 4%/năm; đề nghị Ngân hàng chỉ được xử lý tài sản là nhà, đất tại thửa 59, tờ bản đồ số 01 tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai nếu các tài sản khác không đủ để trả nợ; Yêu cầu Ngân hàng trả lại bản chính các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất 24, tờ bản đồ số 15 tại xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; thửa 3, 6 tờ bản đồ số 14 tại thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn ông Dương Ngô H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tại giai đoạn phúc thẩm cũng như phiên tòa hôm nay: đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, nêu quan đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện Đa Tễh giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng N (A) khởi kiện buộc ông Dương Ngô H1 trả tiền gốc vay là 5.475.995.321đ, nợ lãi tính đến ngày 17/02/2023 là: 6.456.712.594đ, tổng cộng là 11.932.707.915đ và tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất của các hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ gốc. Mục đích vay của ông H1 nhằm phục vụ mục đích kinh doanh hàng mọt dân dụng, khai thác khoáng sản, giao thông, cầu đường...., ông H1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng kinh doanh thương mại về tín dụng” là đúng quy định của pháp luật.

[2] Đối với kháng cáo của bị đơn ông Dương Ngô H1 thì thấy rằng:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H1 trả tiền nợ gốc theo các hợp đồng tín dụng tính đến ngày 17/2/2023 nợ gốc là 5.475.995.321đ và nợ lãi 6.456.712.594đ, tổng cộng 11.932.707.915đ là đã giảm toàn bộ lãi quá hạn cho ông H1 (BL số 440, 433,434). Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc ông H1 phải trả số tiền nợ gốc là 5.475.995.321đ và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 6.722.053.043đ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Ông H1 kháng cáo yêu cầu: tính lãi suất với mức 4%/năm; Ngân hàng chỉ được xử lý tài sản là nhà, đất tại thửa 59, tờ bản đồ số 01 tại xã P, huyện T, tỉnh

Đồng Nai nếu các tài sản khác không đủ để trả nợ; Ngân hàng trả lại bản chính các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất 24, tờ bản đồ số 15 tại xã M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; thửa 3, 6 tờ bản đồ số 14 tại thị trấn M, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng những nội dung ông H1 yêu cầu không đúng với Hợp đồng thế chấp, Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên nên không có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị đơn xuất trình chứng cứ thể hiện: Ông Dương Ngô B, bà Ung Thị H3 đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa 247, tờ bản đồ số 1, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q661319 cấp ngày 04/01/2001 để đảm bảo khoản vay của ông Dương Ngô H1 tại Ngân hàng N, Chi nhánh huyện Đ, Lâm Đồng II. Tuy nhiên, trước đó ngày 28/01/2011 vợ chồng ông Dương Ngô B, bà Ung Thị H3 đã viết Giấy tay chuyển nhượng một phần thửa đất này cho vợ chồng ông Lê Trung S, bà Vũ Thị Kim D. Tranh chấp giữa vợ chồng ông S, bà D với vợ chồng ông B, bà H3 liên quan đến thửa đất này Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai đã thụ lý vụ án số 218/2020/TLST-DS ngày 16/11/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất*” giữa nguyên đơn bà Vũ Thị Kim D, sinh năm 1967, ông Lê Trung S, sinh năm 1964 với bị đơn ông Dương Ngô B, sinh năm 1957, bà Ung Thị H3, sinh năm 1964. Trong quá trình Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh thụ lý, giải quyết vụ án, các đương sự không trình bày tình tiết này nên Tòa án không đưa vợ chồng ông Lê Trung S, bà Vũ Thị Kim D vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Vi phạm này, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Do đó, cần phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện Đạ Tẻh, thụ lý giải quyết lại theo đúng quy định pháp luật.

Tiền tạm ứng chi phí tố tụng, tạm ứng án phí các đương sự đã nộp, nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sẽ được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

Về án phí phúc thẩm: Ông Dương Ngô H1, sinh năm 1960 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2024/KDTM-ST ngày 20/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đa Tễh, tỉnh Lâm Đồng.

Chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện Đa Tễh, thụ lý giải quyết lại theo đúng quy định pháp luật.

2. Tiền tạm ứng chi phí tố tụng, tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm các đương sự đã nộp, nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sẽ được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm cho ông Dương Ngô Huy .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);
- TAND huyện Đa Tễh (01);
- Chi cục THADS huyện Đa Tễh (01)
- Đương sự (06);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Nguyệt